

PHỤ LỤC 2
MỨC GIÁ MUA XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG

(Đính kèm Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Mức giá tối đa
1	Xe ô tô tải	
	- Tải trọng dưới 1 tấn	400.000.000 đồng
	- Tải trọng từ 1 tấn đến 1,5 tấn	600.000.000 đồng
	- Tải trọng từ 1,6 tấn đến 2,5 tấn	700.000.000 đồng
	- Tải trọng từ 2,6 tấn 3,5 tấn	900.000.000 đồng
	- Tải trọng trên 3,5 tấn	1.100.000.000 đồng
2	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	
	- Xe từ 17 chỗ ngồi đến 24 chỗ ngồi	1.600.000.000 đồng
	- Xe từ 25 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi	1.800.000.000 đồng
	- Xe từ 31 chỗ ngồi đến 45 chỗ ngồi	2.500.000.000 đồng
	- Xe từ 45 chỗ trở lên	3.000.000.000 đồng
3	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, vàng bạc, đá quý; xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cẩu, xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải...); Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh, xe phát thanh truyền hình lưu động, xe thanh tra giao thông, xe phục vụ tang lễ; xe giám sát hải quan; xe đào tạo, tập lái, sát hạch xe ô tô, xe hộ tống tiền, xe thư viện số lưu động; xe sân khấu lưu động; xe ô tô phun nước; xe ô tô cần cẩu; xe quét rác và hút bụi đường; ...)	Áp dụng theo giá thị trường (được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng)

* **Ghi chú:** Giá mua xe ô tô này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.